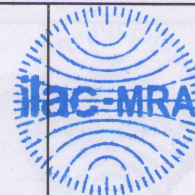


**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**



Số: 46/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	202M ₁ 01/15	Công ty TNHH FoodTech	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	14/12/2015 9g45-10g00	Trần Quang Vinh
2	203B09/15	Bể Chứa NMN Vũng Rô		Trần Quang Vinh	14/12/2015 9g30-9g45	
3	203M ₁ 09/15	Nhà Làm Việc - Cảng Vũng Rô			14/12/2015 9g45-10g00	
4	204M ₁ 01/15	131 Nguyễn Thái Học		Nguyễn Thị Cẩm Tú	14/12/2015 8g30-8g45	Nguyễn Thị Cẩm Tú
5	204M ₂ 01/15	8/19 Nguyễn Huệ			14/12/2015 9g00-9g15	
6	204M ₃ 01/15	Khu tái định cư Núi Nhạn			14/12/2015 9g30-9g45	
7	205B01/15	Bể Chứa NMN Tuy Hòa			14/12/2015 8g00-8g15	

II./ KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				202M ₁ 01/15	203B09/15	203M ₁ 09/15	204M ₁ 01/15
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.90	7.10	7.12	6.82
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.45	0.86	0.90	0.40
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.06	0.05	0.07	0.06
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	19.53	18.86	21.56	22.23
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	53.60	30.12	32.16	53.09
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	3.60	3.20	3.10	2.50
10	Mùi vị	không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	2.00	KPH	KPH	1.60
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.70	10.70	10.20	9.80
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.02	0.01	KPH	0.01
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.32	0.32	0.39	0.45
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0.44	KPH	KPH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**



II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				204M ₂ 01/15	204M ₃ 01/15	205B01/15	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.84	6.85	6.78	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.41	0.45	0.37	
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.06	0.06	0.05	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	18.52	19.87	20.21	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	61.56	52.58	54.62	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	2.50	2.50	2.80	
10	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	1.50	1.50	1.70	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	9.50	8.80	10.00	
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	0.01	0.01	
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39	0.39	0.32	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	0.44	

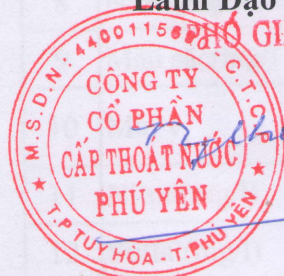
Ghi chú: - KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa , ngày 21 tháng 12 năm 2015

Bộ Phận Hóa Nghiệm

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật



Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Khắc Toàn

Võ Bá Duy Huân